

# Giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên các trường cao đẳng ở khu vực trung du, miền núi phía Bắc đáp ứng yêu cầu thị trường lao động mở

Đỗ thị Thúy Lữ\*

\*ThS, Trường Cao đẳng Lào Cai

Received: 28/2/2024; Accepted: 8/3/2024; Published: 18/3/2024

**Abstracts:** In universities and colleges, in addition to equipping students with professional knowledge and career skills, equipping soft skills is of particular importance. Soft skills will be the key to helping students adapt to studying and training activities at university and prepare to participate in future professional activities. Therefore, soft skills education for students at high schools needs to focus on the following stages: fostering the ability to organize soft skills education activities for teachers; compile soft skills teaching materials; organize experiential activities for students, apply information and communication technology in soft skills education, thereby improving the quality of soft skills education for college students.

**Keywords:** Soft skills, students, colleges, education

## 1. Đặt vấn đề

Thủ tướng Chính phủ đã có Nghị quyết 96/NQ-CP ngày 1/8/2022 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các tỉnh vùng này phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể cho đến năm 2030 như sau:

Trong giai đoạn 2021 - 2030, tăng trưởng GRDP vùng đạt 8,0 - 9,0%/năm; đến năm 2030, quy mô kinh tế vùng đạt khoảng 2.100 nghìn tỷ đồng (giá hiện hành), trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 12 - 13%, công nghiệp - xây dựng chiếm 45 - 46%, dịch vụ chiếm 37 - 38%; GRDP bình quân đầu người đạt 140 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành); tổng thu ngân sách nhà nước đạt khoảng 190 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%; có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; mỗi tỉnh có ít nhất 3 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65 - 70%; có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; Để có lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu thị trường lao động (TTLĐ) mở thì các trường cao đẳng ngoài việc cung cấp kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp còn cần tăng cường GD kỹ năng mềm cho sinh viên (SV).

GD KNM cho SV ở các trường ĐH, CĐ là chìa khóa cho SV giúp họ sau khi ra trường từng bước tự

khẳng định mình trong công tác, cuộc sống. Trang bị KNM cho SVCD sẽ giúp họ hoàn thiện bản thân và hoàn thành vị trí việc làm. Đối với sinh viên cao đẳng (SVCD) khi có được KNM, họ có thể hòa nhập, biết lựa chọn cách ứng xử cho phù hợp với từng thời điểm, biết ứng phó với sức ép và thách thức của cuộc sống, dễ dàng tạo được mối quan hệ thân thiện với bạn bè, đồng nghiệp, người lao động ... Từ đó, giúp SVCD có được sự tự tin, hứng thú, chủ động sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và làm việc.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.2. Tầm quan trọng của GDKNM cho SVCD

Hoạt động học tập tại các trường ĐH, CĐ bao gồm nhiều yếu tố cấu thành, song sự thích ứng của SV đối với hoạt động này chủ yếu ở hai yếu tố: nội dung và PP học tập. Cụ thể, nội dung học tập ở bậc đại học sự tổng hợp các kiến thức ở trình độ cao, đặc biệt là các kiến thức chuyên ngành. SV cần thích ứng với tính chuyên môn sâu của khối tri thức được trang bị. PP học tập ở đại học có nhiều sự khác biệt, nó đòi hỏi SV phải tích cực, tự tìm kiếm và tự tổng hợp kiến thức... cách học mang tính chất nghiên cứu. Nếu trang bị GD KNM đầy đủ và sớm càng có lợi cho SV, vì khi đó SV có thêm động lực, sự tự tin, lý tưởng để theo đuổi ngành nghề, có PP để làm việc nhanh chóng, khoa học... SV biết tạo cho mình những điều kiện thuận lợi để hỗ trợ phát triển nghề nghiệp. GDKNM giúp SV:- Tự tin hơn trong giao tiếp, linh hoạt trong ứng xử và thành công trong các mối quan hệ học tập và rèn luyện trong học tập, công tác.. Có ý

chí và tinh thần lạc quan; Phát triển tốt năng lực tìm kiếm việc làm.

Như vậy, KNM có vai trò hết sức quan trọng đối với SV các trường cao đẳng để thích ứng với TTLĐ, tạo cơ hội thăng tiến cho bản thân SV trong công việc và đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp xã hội hiện đại.

### **2.3. Các biện pháp GD GD cho SV các trường cao đẳng khu vực miền núi phía Bắc**

#### **2.3.1. Xác định được nhu cầu cần trang bị KNM của SVCD**

Đây là biện pháp rất cần thiết để xác định đúng, đủ nhu cầu các SVCD hiện nay. Để thực hiện tốt biện pháp này các trường cao đẳng cần xây dựng kế hoạch khảo sát, xây dựng mẫu phiếu điều tra các đối tượng SV tham gia. Khu vực miền núi phía Bắc nước ta có số lượng SV người dân tộc thiểu số rất cao nên việc khảo sát phải rất cẩn thận, phải nghiên cứu kỹ văn hóa của các dân tộc, suy nghĩ của SV về việc làm trên thị trường lao động hiện nay đối với khu vực miền núi.

Các trường CD sử dụng các phương pháp khai thác thông tin qua nhiều kênh khác nhau như qua các chính sách, văn bản của các cơ quan chính quyền, các hướng dẫn của các tổ chức đoàn thể, các cuộc hội nghị. Đặc biệt là qua hệ thống cơ quan báo chí và mạng xã hội hiện nay. Trên cơ sở số liệu khảo sát thu được các trường xây dựng kế hoạch GD KNM, biên soạn chương trình, tài liệu, chuẩn bị các nguồn lực để tiến hành và thực hiện KTĐG hoạt động GD KNM ở các trường CD

#### **2.3.2. Bồi dưỡng năng lực tổ chức các hoạt động GD KNM cho GV cao đẳng.**

Qua khảo sát cho thấy, năng lực tổ chức các hoạt động GD KNM cho SV ở các trường cao đẳng khu vực miền núi còn có những hạn chế nhất định. Vì vậy, cần tạo cơ hội để GV được học tập, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và kỹ năng trong GD KNM. GV cần hiểu rõ về các GD KNM quan trọng và vai trò của chúng trong sự phát triển toàn diện của SV. Nhiệm vụ đặt ra yêu cầu GV phải biết cách tích hợp và áp dụng các KNM vào quá trình giảng dạy của mình. GV cần có khả năng phát triển các hoạt động, bài tập và dự án GD KNM khuyến khích SV phát triển KNM. Các nội dung cần bồi dưỡng cho GV là:

- Bồi dưỡng kiến thức về KNM cho GV như giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự quản lý, sự linh hoạt và khả năng thích ứng... Cần hiểu về tầm quan trọng và ảnh hưởng của các KNM trong cuộc sống và sự nghiệp của SV.

- Bồi dưỡng năng lực tuyên truyền nâng cao nhận

thức về vai trò trong phát triển KNM cho SV và tạo ra môi trường học tập thích hợp.

- Bồi dưỡng các PPGD và tổ chức GD KNM. Cách tích hợp các hoạt động GD KNM vào quá trình giảng dạy. Thiết kế các hoạt động, bài tập và dự án GD KNM phù hợp với mục tiêu học tập và đặc thù của từng môn học. Sử dụng các PP và công cụ tương tác để khuyến khích SV phát triển KNM.

- Bồi dưỡng cho GV năng lực thiết kế khóa đào tạo và chương trình GD KNM. Xác định nội dung và mục tiêu của các khóa đào tạo về GD KNM cho GV. Phát triển chương trình học đa dạng và phù hợp với nhu cầu và trình độ của từng GV. Cung cấp tài liệu, tài nguyên và công cụ hỗ trợ để GV có thể tổ chức và triển khai các hoạt động GD GD.

- Hỗ trợ và tạo môi trường học tập, tạo cơ hội cho GV tham gia các khóa đào tạo, hội thảo và buổi tập huấn về KNM. Xây dựng mạng lưới hỗ trợ và chia sẻ kinh nghiệm giữa các GV để tạo ra một môi trường học tập chung. Cung cấp hỗ trợ tư vấn và phản hồi đối với GV trong quá trình triển khai các hoạt động GD GD - Xây dựng các PP đánh giá hiệu quả của các hoạt động GD GD. Đánh giá năng lực của GV trong việc tổ chức và triển khai các hoạt động GD GD Liên tục cải tiến và nâng cao các hoạt động GD KNM dựa trên phản hồi và kinh nghiệm thực tế.

#### **2.3.3. Đổi mới biên soạn tài liệu GD KNM cho sinh viên cao đẳng**

Đây là biện pháp rất cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu tài liệu về KNM cho người dạy và người học. Các trường cao đẳng chỉ đạo các GV có chuyên môn biên soạn tài liệu giảng dạy trên cơ sở xác định các kỹ năng mềm quan trọng cần GD cho SV như KN giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, quản lý thời gian, tư duy logic, khả năng giải quyết vấn đề, lãnh đạo, sáng tạo, và khả năng thích nghi...

Chỉ đạo triển khai việc biên soạn tài liệu, yêu cầu xác định rõ những tiêu chí biên soạn tài liệu để đảm bảo các tài liệu được biên soạn chỉ để giới thiệu các kỹ năng mềm và GD GD cho SV. Tài liệu này nên cung cấp định nghĩa, lợi ích và ví dụ về mỗi KNM, đồng thời cung cấp các bài tập và hoạt động thực hành để SV áp dụng và rèn luyện.

Chỉ đạo xây dựng chương trình GD KNM cho SV, xác định cấu trúc và nội dung của chương trình học về KNM. Chương trình gồm các mục tiêu học tập cụ thể cho mỗi kỹ năng, các PPGD phù hợp, và các hoạt động đánh giá tiến bộ của SV.

Lưu ý việc tạo liên kết với chương trình đào tạo hiện tại. Đảm bảo rằng tài liệu GD KNM được tích

hợp vào CTĐT SV, tạo điều kiện tối ưu để SV có thể áp dụng GD vào ngành học và thực tế công việc sau này.

Chỉ đạo phát triển tài liệu đa dạng, đảm bảo rằng tài liệu GD KNM được biên soạn theo nhiều hình thức và định dạng khác nhau để phù hợp với các phong cách học tập của SV. Điều này có thể bao gồm sách giáo trình, slide thuyết trình, video hướng dẫn, bài tập trực tuyến và tài liệu tham khảo. Chú trọng các đánh giá và phản hồi, thiết kế các phương pháp đánh giá để đo lường sự tiến bộ của sinh viên trong phát triển KNM. Đồng thời, thu thập phản hồi từ SV và GV để cải thiện nội dung và PPDH.

Tài liệu cần tạo cơ hội thực hành cho SV, đảm bảo cho SV có cơ hội áp dụng KNM thông qua các hoạt động thực tế như dự án, thực tập, và các khóa học thực hành. Cung cấp hướng dẫn và hỗ trợ SV trong quá trình thực hành KNM. Có khả năng liên kết với doanh nghiệp và cộng đồng, xây dựng mối quan hệ với các doanh nghiệp và cộng đồng để cung cấp cơ hội thực tế và áp dụng GD KNM trong môi trường học tập và thích ứng nghề cho SVCD.

**2.3.4. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm (HDTN) phù hợp giúp SVCD có môi trường đa dạng để rèn luyện nghề nghiệp**

Đây là biện pháp rất cần thiết. Thông qua các HDTN, SV sẽ có cơ hội áp dụng và phát triển các kỹ năng như giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề và lãnh đạo. Môi trường đa dạng và trải nghiệm giúp SV khám phá và phát triển tiềm năng của bản thân. SV có thể tìm hiểu về các lĩnh vực khác nhau, tham gia vào các hoạt động và dự án đa dạng, từ đó khám phá sở thích, đam mê và khả năng của mình. Điều này giúp SVCD tự tin hơn trong việc xác định và phát triển sự nghiệp sau này.

Tổ chức các dự án thực tế để SV có cơ hội áp dụng kiến thức, kỹ năng vào việc giải quyết các vấn đề thực tế. SV có thể tham gia vào các dự án nghiên cứu, dự án xã hội, hoặc dự án DN trong lĩnh vực SV quan tâm giúp họ trải nghiệm quá trình làm việc nhóm, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề và tạo ra sản phẩm...

Tổ chức các hoạt động tình nguyện giúp SVCD tìm hiểu và tham gia vào các hoạt động xã hội, từ thiện và bảo vệ môi trường. SV có thể tham gia vào các tổ chức phi chính phủ hoặc các tổ chức tình nguyện địa phương để rèn luyện KNM. Tổ chức các sự kiện và cuộc thi giúp SVCD trải nghiệm các tình huống thực tế và rèn luyện năng lực. Tổ chức các khóa học thực tế ngoài giảng đường giúp SVCD trải nghiệm và rèn luyện các KNM. Tổ chức các hội thảo, buổi nói chuyện và chia sẻ kinh nghiệm từ các chuyên gia và

doanh nhân giúp SVCD tiếp cận và học hỏi từ những người có kinh nghiệm. Những buổi nói chuyện này có thể tập trung vào các chủ đề như sự nghiệp, khởi nghiệp, phát triển cá nhân..

**2.3.5. Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào GD KNM cho SVCD**

Đây là biện pháp rất cần thiết. Các trường CD sử dụng rộng rãi CNTT và truyền thông, đồng thời sử dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, trò chơi học tập và học máy để cung cấp các trải nghiệm học tập tương tác và hiệu quả cho sinh viên khi GD KNM. CNTT và TT có thể được áp dụng để tạo ra các bài giảng, tài liệu học tập, bài tập và phản hồi cá nhân hóa dựa trên nhu cầu và khả năng của từng sinh viên. Ứng dụng công nghệ 4.0 để xây dựng các cộng đồng học tập đa dạng nhằm cung cấp một môi trường học tập đa dạng và thú vị cho SV, đồng thời sử dụng thiết bị di động, nền tảng trực tuyến, hoặc trò chơi học tập để tạo ra các trải nghiệm học tập tương tác cho SV.

Các Trường CD liên kết với doanh nghiệp và cộng đồng: Hợp tác với các DN, tổ chức xã hội và cộng đồng địa phương để tạo ra cơ hội cho SV rèn luyện KNM, có thể là cung cấp chương trình thực tập, dự án thực tế hoặc liên kết với các chuyên gia trong lĩnh vực đó để chia sẻ kinh nghiệm GD KNM cho SV.

### 3. Kết luận

Trong xu thế hội nhập và cuộc CMCN 4.0, GD KNM cho SV ngày càng có vai trò quan trọng. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, song các trường cao đẳng đã nhận thức tầm quan trọng của GD đối với sự thích ứng và thành công trong hoạt động nghề nghiệp, mỗi SVCD cần nâng cao ý thức học tập, rèn luyện, trải nghiệm các GD. Nhà trường cũng cần thực hiện các biện pháp hiệu quả, phù hợp, nhằm tạo điều kiện tối ưu và xây dựng môi trường GD đa dạng để GD KNM cho sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tương lai đáp ứng thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thanh Bình (2014), *Giáo trình chuyên đề GD kỹ năng sống*, NXB ĐHSP. Hà Nội
- [2] Hoàng Thị Thu Hiền; Võ Đình Dương; Bùi Thị Bích; Nguyễn Như Khương; Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sự phạm tương tác*, NXB ĐHQG. Hà Nội.
- [3] Nguyễn Công Khanh (2014), *Phương pháp GD giá trị sống, kỹ năng sống*, NXB ĐHSP. Hà Nội
- [4] Huỳnh Văn Sơn (2019), *Rèn luyện kỹ năng sống và GD cho SV*, NXB GD Việt Nam. Hà Nội